

Số: 138 /NQ-HĐND

Nghi Xuân, ngày 25 tháng 12 năm 2020

NGHỊ QUYẾT

**Về việc thông qua Đề án hỗ trợ phát triển phát triển
ngành nghề tiểu thủ công nghiệp và các làng nghề huyện Nghi Xuân
giai đoạn 2021-2025 và những năm tiếp theo**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN NGHI XUÂN
KHÓA XX, KỲ HỌP THỨ 20**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 57/2018/NĐ-CP của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn;

Căn cứ Nghị quyết số 86/NQ-HĐND ngày 18/7/2018 của HĐND tỉnh về một số chính sách phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2025 và những năm tiếp theo;

Xét Tờ trình số 169/TTr-UBND ngày 09 tháng 12 năm 2020 của UBND huyện về việc đề nghị thông qua Đề án hỗ trợ phát triển phát triển ngành nghề tiểu thủ công nghiệp và các làng nghề huyện Nghi Xuân giai đoạn 2021-2025 và những năm tiếp theo; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã hội, HĐND huyện và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân huyện tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Đề án hỗ trợ phát triển ngành nghề tiểu thủ công nghiệp và các làng nghề huyện Nghi Xuân giai đoạn 2021-2025 và những năm tiếp theo với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Mục tiêu, chỉ tiêu:

1.1. Mục tiêu chung: Đẩy mạnh phát triển tiểu thủ công nghiệp và bảo tồn phát triển làng nghề truyền thống trên địa bàn huyện Nghi Xuân nhằm thúc đẩy kinh tế nông thôn phát triển; tạo thêm việc làm và tăng thu nhập cho người dân nông thôn; tạo sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế khu vực nông thôn; hướng tới phát triển bền vững, bảo vệ môi trường và an sinh xã hội; giảm dần sự cách biệt giữa

nông thôn và đô thị, tạo ra sản phẩm tiểu thủ công nghiệp đa dạng và chất lượng, giá trị cao mang đặc thù của địa phương, gắn phát triển tiểu thủ công nghiệp với xây dựng nông thôn mới.

1.2. Chỉ tiêu đến năm 2025:

- Hàng năm, ngành nghề tiểu thủ công nghiệp và các làng nghề giải quyết việc làm cho trên 300 lao động trong nông thôn; số lao động trong hoạt động sản xuất ngành nghề tiểu thủ công nghiệp và các làng nghề đạt trên 5.000 lao động vào năm 2025.

- Có 30% số xã, thị trấn có điểm tập trung sản xuất ngành nghề tiểu thủ công nghiệp để hoạt động sản xuất.

- Phân đầu đến năm 2025, toàn huyện khôi phục được 03 làng nghề (nghề mộc Xuân Phổ, nghề gốm Cổ Đạm, nón lá Cương Gián, Tiên Điền) đạt tiêu chí làng nghề hoặc làng nghề truyền thống.

1.3. Chỉ tiêu định hướng đến năm 2030:

- Số lượng lao động được giải quyết việc làm trong các ngành nghề tiểu thủ công nghiệp và các làng nghề khoảng 6.000 người, trong đó lao động đã qua đào tạo nghề đạt trên 45%.

- Có 50% số xã, thị trấn có điểm tập trung sản xuất ngành nghề tiểu thủ công nghiệp để hoạt động sản xuất.

2. Nhiệm vụ và giải pháp

2.1. Huy động các nguồn vốn để đầu tư hạ tầng, tạo đột phá để phát triển ngành nghề tiểu thủ công nghiệp và làng nghề. Trước mắt tập trung đầu tư hoàn thiện kết cấu hạ tầng Cụm công nghiệp Xuân Mỹ và Cụm tiểu thủ công nghiệp – làng nghề Xuân Phổ; hỗ trợ thu hút các dự án đầu tư khôi phục một số nghề truyền thống và các hoạt động hỗ trợ đào tạo, truyền nghề, xúc tiến quảng bá sản phẩm tiểu thủ công nghiệp và làng nghề trên địa bàn.

2.2. Đẩy mạnh xúc tiến đầu tư để thu hút những dự án áp dụng công nghệ tiên tiến, tạo được nhiều việc làm. Tiếp tục khuyến khích các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất đổi mới thiết bị công nghệ, nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh của sản phẩm. Ngoài các sản phẩm hiện có, cần chú ý khuyến khích đẩy mạnh công nghiệp chế biến nông – lâm – hải sản có lợi thế trên địa bàn.

2.3. Chú trọng bảo vệ môi trường trong phát triển công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp và làng nghề. Thu hút các dự án đầu tư mới gắn với bảo vệ môi trường. Vận động và di dời các cơ sở sản xuất tiểu thủ công nghiệp đang nằm trong khu dân cư vào cụm công nghiệp tập trung. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát và xử lý nghiêm các cơ sở sản xuất gây ô nhiễm môi trường.

2.4. Phát triển ngành nghề tiểu thủ công nghiệp và các làng nghề, làng nghề truyền thống trên cơ sở kêu gọi các nhà đầu tư có năng lực, mở rộng quy mô, khôi phục các làng nghề, giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho người lao động. Khuyến khích sản xuất, chế biến nông – lâm – thủy hải sản góp phần thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông thôn.

2.5. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đẩy mạnh đào tạo nghề cho người lao động bằng nhiều hình thức để đáp ứng nhu cầu của thị trường, của doanh nghiệp và cơ sở sản xuất.

2.6. Tiếp tục làm tốt công tác cải cách thủ tục hành chính; công khai minh bạch quy hoạch, chính sách ưu đãi để nhà đầu tư lựa chọn.

2.7. Ưu tiên sử dụng nguồn nguyên liệu tại chỗ, xây dựng mô hình liên kết giữa các cơ sở cung cấp, thu mua nguyên liệu, mở rộng thị trường nguyên liệu từ các vùng lân cận; khuyến khích nhà sản xuất trực tiếp đầu tư phát triển vùng nguyên liệu.

2.8. Phát huy vai trò quản lý nhà nước về khoa học, công nghệ; khuyến khích các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất ứng dụng khoa học công nghệ mới vào sản xuất.

3. Cơ chế chính sách hỗ trợ phát triển ngành nghề tiểu thủ công nghiệp và làng nghề

3.1. Đối với các ngành nghề, làng nghề truyền thống

- Hỗ trợ cho các doanh nghiệp, Hợp tác xã, hộ sản xuất ngành nghề tiểu thủ công nghiệp khi thực hiện các dự án bảo tồn và khôi phục các nghề, làng nghề truyền thống gắn với du lịch và xây dựng nông thôn mới. Trong đó:

+ Hỗ trợ 50% kinh phí đầu tư máy móc, thiết bị, dây chuyền sản xuất, tối đa không quá 500 triệu đồng/dự án.

+ Ngoài cơ chế hỗ trợ của trung ương và của tỉnh (nếu có), huyện hỗ trợ 20% tổng mức đầu tư dự án, tối đa không quá 1 tỷ đồng để xây dựng nhà xưởng, hạ tầng kỹ thuật phục vụ sản xuất.

+ Hỗ trợ 50% kinh phí xây dựng trung tâm, điểm bán hàng và giới thiệu sản phẩm làng nghề, tối đa không quá 100 triệu đồng/dự án.

- Hỗ trợ đầu tư cải tạo, nâng cấp và hoàn thiện cơ sở hạ tầng cụm tiểu thủ công nghiệp và làng nghề. Trong đó:

+ Hỗ trợ 50% kinh phí đầu tư cải tạo, nâng cấp và hoàn thiện đường giao thông, nước sạch, tối đa không quá 500 triệu đồng/dự án.

+ Hỗ trợ 50% kinh phí đầu tư cải tạo, nâng cấp và hoàn thiện hệ thống tiêu, thoát nước, thu gom và xử lý nước thải tập trung, hệ thống các điểm và phương tiện thu gom chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại tại làng nghề, tối đa không quá 200 triệu đồng/dự án.

3.2. Hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực

+ Các cơ sở ngành nghề nông thôn và làng nghề trực tiếp mở lớp truyền nghề: Hỗ trợ 50% chi phí lớp học. Nội dung chi và mức chi theo quy định tại Thông tư số 152/2016/TT-BTC ngày 17/10/2016 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 3 tháng.

+ Đào tạo theo hình thức kèm cặp nghề, truyền nghề của nghệ nhân, thợ thủ công được trả tiền công giảng dạy theo số lượng thực tế. Đối với nghệ nhân cấp



tính với mức chi tối thiểu 80.000 đồng/giờ tối đa không quá 500.000 đồng/buổi; Đối với thợ thủ công mức chi tối thiểu 50.000 đồng/giờ, tối đa không quá 300.000 đồng/buổi.

+ Các doanh nghiệp, cơ sở, cá nhân có nhu cầu đào tạo lao động trong lĩnh vực công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp được hỗ trợ 300.000 đồng/người nếu đạt tiêu chuẩn thợ bậc 2 trở lên. Đào tạo lao động nghề thành nghề nhân (có chứng chỉ) phục vụ trên địa bàn huyện tối thiểu 5 năm được hỗ trợ 1.000.000 đồng/người.

+ Các cá nhân tự đứng ra thành lập cơ sở phát triển tiểu thủ công nghiệp có sử dụng ổn định 10 lao động địa phương trở lên được hỗ trợ 10.000.000 đồng/cơ sở.

+ Các xã tổ chức thuê nghề nhân về dạy nghề tại địa phương được hỗ trợ 20.000.000 đồng để phục vụ công tác đào tạo.

3.3. Hỗ trợ xúc tiến thương mại

+ Chi hỗ trợ thuê tư vấn, hỗ trợ trực tiếp cho các cơ sở ngành nghề nông thôn các nội dung quy định tại điểm a, khoản 3, Điều 9 Nghị định số 52/2018/NĐ-CP. Mức hỗ trợ tối đa 50% chi phí, tối đa không quá 50 triệu đồng/cơ sở.

+ Chi thuê mặt bằng trình diễn sản phẩm; tổ chức hội thi; ăn nghỉ, đi lại đối với nội dung hội thi sản phẩm thủ công Việt Nam. Mức chi 100% chi phí thực tế, tối đa không quá 50 triệu đồng/lần.

4. Phân kỳ đầu tư và kinh phí thực hiện

4.1. Tổng nhu cầu vốn đầu tư: Trong giai đoạn 2021 - 2025 tổng nhu cầu vốn cho hỗ trợ đầu tư phát triển ngành nghề tiểu thủ công nghiệp và làng nghề và huy động các nguồn vốn khác trên địa bàn huyện dự kiến 190,73 tỷ đồng, trong đó:

- Nguồn vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ dự kiến: 4,4 tỷ đồng, chiếm 2,3%.
- Nguồn vốn ngân sách tỉnh hỗ trợ dự kiến: 27,1 tỷ đồng, chiếm 14,2%.
- Nguồn vốn ngân sách huyện hỗ trợ dự kiến: 12,08 tỷ đồng, chiếm 6,3%.
- Nguồn vốn khác dự kiến huy động: 147,15 tỷ đồng, chiếm 77,2%.

4.2. Phân kỳ đầu tư từ ngân sách huyện hàng năm (giai đoạn 2021-2025) như sau:

- Năm 2021: 1,63 tỷ đồng.
- Năm 2022: 2,53 tỷ đồng.
- Năm 2023: 3,53 tỷ đồng.
- Năm 2024: 2,32 tỷ đồng.
- Năm 2025: 2,07 tỷ đồng.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Ủy ban nhân dân huyện chỉ đạo và tổ chức thực hiện Nghị quyết này.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân huyện giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được HĐND huyện khóa 20, Kỳ họp thứ 20 thông qua ngày 25 tháng 12 năm 2020 và có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021./.

Nơi nhận:

- TT HĐND, UBND tỉnh;
- Các sở: Xây dựng, Tài chính;
- TT Huyện ủy, TT HĐND huyện;
- Lãnh đạo UBND, TT UBMTTQ huyện;
- Đại biểu HĐND huyện;
- Các phòng, ban, ngành, đoàn thể huyện;
- HĐND, UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Hiếu

